

NGÔN NGỮ TOÁN HỌC TRONG DẠY HỌC BỘ MÔN TOÁN LỚP 4, LỚP 5 TRƯỜNG TIỂU HỌC

ThS. THÁI HUY VINH
Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An

1. Mở đầu

Môn Toán trong chương trình Tiểu học có mục tiêu cung cấp cho học sinh (HS) những tri thức toán học cơ bản ban đầu đồng thời góp phần phát triển tư duy, ngôn ngữ cho HS. Trong dạy học môn Toán, giáo viên (GV) không chỉ truyền đạt tri thức toán học mà còn giúp hình thành, phát triển ngôn ngữ toán học (NNTH), đồng thời rèn luyện và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho HS.

Trên thế giới, vấn đề hình thành và phát triển NNTH trong dạy học bộ môn Toán đã được quan tâm nghiên cứu từ lâu. Ở nhiều nước, trong chương trình bộ môn Toán, xác định mục tiêu, nội dung dạy học về NNTH cho HS ở các cấp và các trình độ học tập khác nhau.

Ở Việt Nam, vấn đề NNTH cũng đã được nghiên cứu từ những năm 1970. Tuy nhiên, chưa có nhiều tác giả nghiên cứu vấn đề NNTH ở Tiểu học nói chung, ở các lớp 4 và lớp 5 nói riêng. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách nghiêm túc về khả năng sử dụng NNTH trong dạy học toán ở tiểu học đặc biệt ở các lớp 4 và lớp 5 trên cơ sở cập nhật những lí luận mới, quan điểm mới, từ đó đưa ra những biện pháp tổ chức dạy học đạt hiệu quả tốt hơn là việc làm có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lí luận và thực tiễn.

2. Một số vấn đề về NNTH và dạy học NNTH ở các lớp 4, lớp 5 trường tiểu học

2.1. Quan niệm về NNTH

Theo quan niệm của một số nhà nghiên cứu như: Hà Sĩ Hồ, Phạm Văn Hoàn, Nguyễn Gia Cốc, Trần Thúc Trình, Hoàng Chúng, L.S Levenbeg, Diane Miller, O'Halloran thì: *NNTH là một hệ thống các kí hiệu, biểu tượng, thuật ngữ toán học và các quy tắc kết hợp chúng để diễn đạt nội dung toán học một cách logic, chính xác, rõ ràng, ngắn gọn.*

Kí hiệu toán học bao gồm: kí hiệu các chữ số, chữ cái, kí tự alphabetic, các phép tính và quan hệ toán học. Biểu tượng toán học bao gồm: các hình ảnh, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng, ... Thuật ngữ toán học bao gồm: các từ và cụm từ cố định là tên gọi chính xác của các khái niệm, đối tượng toán học xác định. Quy tắc kết hợp các kí hiệu, biểu tượng, thuật ngữ toán học là cú pháp của NNTH.

Ngôn ngữ giao tiếp trong cuộc sống thường ngày gọi là ngôn ngữ tự nhiên (NNTN). NNTN là cơ sở, nền tảng của NNTH. Có thể nói, NNTH là kết quả hoàn

thiện của NNTN làm cho nội dung toán học chặt chẽ, chính xác, logic, khắc phục sự chồng chéo, chống chéo, tính đa nghĩa của NNTN, mở rộng khả năng biểu đạt của NNTN.

NNTN và NNTH đều chứa đựng hai phương diện ngữ nghĩa và cú pháp. Phương diện ngữ nghĩa của NNTH là bản chất Toán học của NNTH; phương diện cú pháp của NNTH thể hiện về mặt cấu trúc, hình thức bên ngoài của NNTH, là sự sắp xếp các NNTH theo một quy tắc, trình tự nhất định, thể hiện nội dung tư tưởng Toán học. Ví dụ: $3 < 4$ về mặt ngữ nghĩa là số 3 bé hơn số 4, nhưng về mặt cú pháp cần phải biểu đạt theo trình tự của các kí hiệu là: viết số 3, viết dấu $<$ rồi viết số 4, đó là: $3 < 4$ mà không thể viết: $4 < 3$; hoặc $< 3,4$; hoặc $<4,3$.

Trong NNTN, các nguyên âm cùng với các phụ âm tạo nên từ, các từ sắp xếp thành câu. Trong NNTH, các kí hiệu toán học nối kết với nhau cũng tạo thành "câu". "Câu" trong NNTH là một biểu thức, một mệnh đề, một phán đoán... Câu trong NNTN cũng như câu trong NNTH đều phải đúng về ngữ nghĩa và cú pháp. Khi kết hợp với nhau, các từ chẳng những phải tuân theo quy tắc cú pháp mà phải còn tuân theo quy tắc ngữ nghĩa, chúng phải tương hợp với nhau về nghĩa.

Tuy nhiên, có sự khác nhau cơ bản giữa NNTN và NNTH ở chỗ NNTH chủ yếu là ngôn ngữ kí hiệu, được trình bày dưới dạng ngôn ngữ viết, có tính chất đơn nghĩa, vừa có tính chất chính xác, chặt chẽ, vừa uyển chuyển và mang tính chất quốc tế. Cho nên, NNTH chính xác, rõ ràng, một ý duy nhất, ngắn gọn, không mang sắc thái tu từ biểu cảm, không dùng đại từ nhân xưng. Còn NNTN đa nghĩa, diễn đạt có khi rườm rà, khó hiểu.

2.2. Đặc điểm các yếu tố NNTH ở lớp 4 và lớp 5

- NNTH lớp 4, 5 cơ bản vẫn mang những đặc trưng chung của NNTH và ngôn ngữ khoa học, đó là các kí hiệu và thuật ngữ Toán học thường dùng và được trình bày chủ yếu dưới dạng ngôn ngữ viết, ví dụ: các chữ số, các chữ cái viết thường a,b,c,... và in hoa; chữ cái Latinh (A,B,C,D,E,F,..., S,P,V,...); các dấu phép tính +, -, x, :; các dấu quan hệ =, <, >; dấu ngoặc (); các biểu tượng, hình vẽ, tia số, sơ đồ, biểu bảng, mô hình, ô trống, ... Tuy nhiên, có những đặc điểm riêng phù hợp với trình độ nhận thức của HS, phù hợp mục tiêu, chuẩn kiến thức, kĩ năng, mặc dù có tính khái quát, trừu tượng cao hơn so với giai đoạn lớp 1-3.

- NNTH lớp 4, lớp 5 diễn đạt biểu tượng của các khái niệm Toán học vẫn chủ yếu dựa vào mô tả trực quan, quy nạp không hoàn toàn, chưa nêu đầy đủ, chính xác, chặt chẽ định nghĩa khái niệm. Ví dụ: chưa nêu định nghĩa chính xác khái niệm phân số, số thập phân, hình bình hành. Không sử dụng trực tiếp những thuật ngữ, kí hiệu toán học "lí thuyết" thuộc cơ sở toán học (như lí thuyết tập hợp, cấu trúc đại số, các yếu tố cơ bản của NNTH), chú ý cách tiếp cận dựa trên kinh nghiệm sống, vốn "khái niệm tự nhiên" của HS. Trong quá trình giải các bài toán có lời văn ở lớp 4, lớp 5, ngôn ngữ sử dụng là ngôn ngữ số học, chưa dùng đến các phép suy luận đại số (ví dụ giải bài toán tìm số chưa biết trong biểu thức chỉ dựa vào mối quan hệ giữa các phép tính chứ chưa dùng những phép biến đổi tương đương).

- NNTH lớp 4, 5 có tính thống nhất, phù hợp sự phát triển từ các lớp 1,2,3, và góp phần từng bước hoàn thiện các nội dung toán học. Ví dụ, với biểu tượng khái niệm về hình chữ nhật, HS được giới thiệu ở lớp 4 và lớp 5 với các mức độ khác nhau nhưng về bản chất toán học là thống nhất với các lớp 1,2,3.

2.3. Thực tế việc sử dụng NNTH trong dạy học toán lớp 4, 5 hiện nay ở các trường tiểu học

Đối với GV: Việc hướng dẫn cho HS khai thác vốn từ, gắn nội dung NNTH với thực tế cuộc sống còn hạn chế. Chưa giúp HS hiểu bản chất toán học của các NNTH một cách thật thấu đáo. Chưa quan tâm đúng mức đến việc hình thành, rèn luyện kĩ năng sử dụng, mở rộng, phát triển vốn từ toán học và khả năng trình bày, biểu đạt cho HS.

Đối với HS: Chưa nắm vững các cách biểu đạt khác nhau của cùng một nội dung toán học; việc "phiên dịch" từ NNTN sang NNTH và ngược lại, việc trình bày bài toán có lời văn, sử dụng các thuật ngữ, kí hiệu còn hạn chế; ngại phát biểu. HS có thói quen chỉ chú trọng vào việc giải bài tập mà chưa có kĩ năng nắm vững lí thuyết trước khi làm bài tập.

3. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học NNTH cho HS lớp 4, lớp 5

3.1. Biện pháp 1: Trong dạy học kiến thức Toán, cần chú ý hình thành và phát triển vốn từ vựng Toán cho HS lớp 4, lớp 5.

Mục tiêu nhằm cung cấp, hình thành vốn từ vựng Toán học cho HS thông qua từng bài học, xây dựng, làm giàu "kho" từ vựng Toán cho HS, tăng cường, mở rộng vốn từ; rèn luyện khả năng ứng dụng vốn từ Toán học vào thực tế cuộc sống, bằng cách:

- Khai thác vốn kinh nghiệm sẵn có của HS. Trong thực tế cuộc sống, HS đã tiếp xúc, nghe và sử dụng nhiều vốn từ toán học theo cách diễn đạt của ngôn ngữ đời thường. Ví dụ: trong thực tế HS đã dùng từ hình hộp và đã sử dụng những đồ vật hình hộp chữ

nhật trong cuộc sống hàng ngày, như bao diêm, viên gạch,... trên cơ sở đó cho HS hiểu được biểu tượng hình hộp chữ nhật khi dạy bài hình hộp chữ nhật (Toán 5);

- Hình thành và củng cố bước đầu vốn từ Toán học cho HS trong tiến trình dạy học bằng cách:

+ Đưa HS vào tình huống thực tế;

+ Hình thành vốn từ dựa trên thao tác với đồ dùng trực quan;

+ Hướng dẫn HS tự đặt tên, biểu đạt các khái niệm toán học theo cách hiểu của mình, trong quá trình hình thành các khái niệm Toán học đó;

+ Củng cố bước đầu về vốn từ Toán học vừa hình thành thông qua hệ thống bài tập.

- Củng cố, tăng cường, mở rộng và phát triển vốn từ Toán học vừa được hình thành, bằng cách:

+ Diễn đạt vốn từ Toán học theo nhiều cách khác nhau;

+ Tăng cường việc trao đổi nhóm, hỏi đáp với GV trong quá trình học tập để rèn kĩ năng vận dụng các TNTH đó.

3.2. Biện pháp 2: Tăng cường rèn luyện cho HS kĩ năng hiểu, vận dụng ngữ nghĩa và cú pháp NNTH trong quá trình dạy học

Mục tiêu nhằm giúp HS hiểu được bản chất Toán học và sử dụng đúng cú pháp khi vận dụng vốn từ Toán học, biết sắp xếp từ ngữ đã có thành mệnh đề Toán học đúng; hiểu nghĩa và diễn đạt đúng, linh hoạt các mệnh đề Toán học cụ thể; rèn luyện kĩ năng thực hành, vận dụng trong thực hành, giải toán ứng dụng vào cuộc sống thực tế. Cách thực hiện:

- Trong quá trình dạy học, GV cần ưu tiên dạy *ngữ nghĩa* của NNTH cho HS (phương diện ngữ nghĩa NNTH là yếu tố quyết định). Nếu HS nắm được bản chất của từng NNTH sẽ làm cho HS thành thực hơn trong việc sử dụng mệnh đề toán học và vận dụng nó trong việc học tập môn Toán cũng như trong cuộc sống hàng ngày của HS. Ta có sơ đồ quá trình chuyển tải như sau:

Hình ảnh cụ thể → Hình ảnh trừu tượng → NNTH → Khái niệm → Thực hành, vận dụng

(Mô hình, đồ vật thật) (Khái quát) (Kí hiệu, thuật ngữ)

- *Cú pháp* (cấu trúc) NNTH là cần thiết và quan trọng cần phải hình thành và rèn luyện kĩ năng cho HS. Trong quá trình dạy học môn Toán, ngoài dạy ngữ nghĩa thì cần phải dạy HS hiểu biết về mặt cú pháp. Hiểu được cấu trúc cú pháp của NNTH thì mới viết được chính xác nội dung toán học, tư tưởng biểu đạt của NNTH.

- Vai trò về mặt ngữ nghĩa và cú pháp của NNTH rất quan trọng, cho nên trong quá trình dạy học NNTH phải quan tâm cả ngữ nghĩa và cấu trúc cú

pháp của NNTH. Bởi vì, nếu không chú trọng về mặt ngữ nghĩa, HS không hiểu bản chất Toán học của các NNTH đó và sẽ không hiểu cách sử dụng các ngôn ngữ kí hiệu Toán học, để hình thành những mệnh đề Toán học hoặc để giải quyết các bài toán cụ thể. HS sẽ rất khó khăn trong việc nắm bắt và trình bày được một nội dung Toán học một cách phù hợp, lôgic và hợp quy luật. Nếu hạn chế về mặt cú pháp thì HS sẽ không hiểu được tư tưởng biểu đạt của NNTH trong một mệnh đề Toán học và từ đó, khó có thể thực hiện được thao tác chuyển dịch bài toán.

Ví dụ: Tìm x ; $x \times 100 = 1,643 + 7,357$ (Bài 2, Toán 5, trang 80)

Về mặt ngữ nghĩa là phải biết tìm đúng giá trị của x , dựa vào mối liên hệ các phép tính. Còn cú pháp là cách trình bày cách làm: $x \times 100 = 1,643 + 7,357$; $x \times 100 = 9$; $x = 9 : 100$; $x = 0,9$.

- Rèn luyện kĩ năng vận dụng ngữ nghĩa và cú pháp NNTH cho HS thông qua các tình huống trong dạy học như:

+ Đọc, viết các số tự nhiên, phân số, số thập phân;

+ Thực hiện các kĩ thuật tính toán các thuật toán giải các bài toán điển hình;

+ Sắp xếp vốn từ toán học thành mệnh đề Toán học đúng;

+ Tìm tòi, khai thác các bài toán theo các cách giải khác nhau;

+ Tìm mối quan hệ và sự chuyển đổi giữa các dạng ngôn ngữ số học, hình học và đo lường... của cùng một nội dung Toán học.

3.3. Biện pháp 3: Trong quá trình dạy học kiến thức Toán luôn chú ý rèn luyện kĩ năng chuyển đổi NNTN sang NNTH và ngược lại

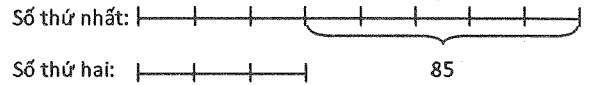
Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng linh hoạt NNTN với NNTH trong học tập môn Toán, kĩ năng giải quyết các bài toán có nội dung thực tế và giải quyết các tình huống trong thực tế. Cách thực hiện:

- Trong các tình huống thực tiễn, giúp HS nắm được nội dung toán học của các tình huống đó, thông qua các từ khóa:

Trong các tình huống cụ thể, cũng như trong các bài toán thực tế, bản chất của NNTH được ẩn chứa trong đó. HS phải suy nghĩ, nghiên cứu xác định được những từ mấu chốt, từ đó mới có thể nghiên cứu giải quyết được vấn đề của thực tiễn hoặc của bài toán gọi là từ khóa. Các từ khóa là chìa khóa giải quyết các vấn đề. Ví dụ: Bài toán "Một ô tô cứ 100 km thì tiêu thụ hết 12 l xăng. Nếu ô tô đó đã đi quãng đường 50 km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?" (Bài 3, Toán 5, trang 22). Ta cần chú ý các từ khóa như sau: Một ô tô cứ 100 km thì tiêu thụ hết 12 l xăng. Nếu ô tô đó đã đi quãng đường 50 km thì tiêu thụ hết bao nhiêu lít xăng?

Khi HS nắm được từ khóa nghĩa là HS nắm được bản chất NNTH ẩn chứa trong NNTN.

- Mô hình hóa các tình huống đã cho dưới dạng tóm tắt bằng lời, sơ đồ, hình vẽ,... Ví dụ: Hiệu của hai số là 85. Tỉ số của hai số đó là $3/8$. Tìm hai số đó (Bài 1, Toán 4, trang 151). Ta có thể vẽ sơ đồ thẳng như sau:



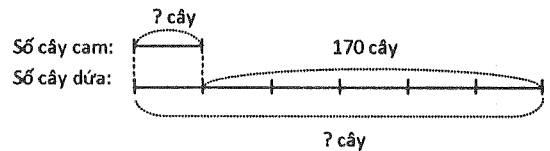
- Biểu đạt một nội dung toán học theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ: $2\text{ m} < 3\text{ m}$; HS có thể biểu đạt theo nhiều cách khác nhau: hai mét bé hơn ba mét; hai mét nhỏ hơn ba mét; hai mét ngắn hơn ba mét; ba mét lớn hơn hai mét; ba mét dài hơn hai mét; ...

- Diễn đạt NNTH sang NNTN và ngược lại:

+ Mối liên hệ 2 chiều giữa đọc và viết các biểu thức, công thức, quy tắc toán học...

Ví dụ: $(3,5 - 2,14) \times 2 \leftrightarrow$ mở ngoặc ba phẩy năm trừ hai phẩy mười bốn tất cả đóng ngoặc nhân hai.

+ Tóm tắt bằng ngôn ngữ nói (lời), bằng ngôn ngữ viết, mô hình (hình vẽ, sơ đồ) \leftrightarrow Bài toán thực tế. Ví dụ: Bài toán: Nêu bài toán rồi giải bài toán theo sơ đồ sau (Bài 4, Toán 4, trang 151):



- Giúp HS chuyển đổi ngôn ngữ thông qua giải các bài toán có lời văn.

- Gắn nội dung Toán học với thực tế. Cần hướng dẫn cho HS hiểu các vốn từ Toán học trong ngôn ngữ cuộc sống đối với những tình huống và ngữ cảnh cụ thể. Chẳng hạn, các từ: đến, và, tăng, thêm, thêm vào, hợp lại, tất cả,... một số, một vài, nhiều, những cái khác, trong số đó, thiếu, còn thiếu, rút ra, đi, lấy đi, mất, cho, còn lại, phần còn lại,... chính là thực hiện các phép cộng hoặc phép trừ. Các từ: tăng lên, giảm xuống, số lần, gấp số lần,... chính là phép nhân hoặc phép chia.

3.4. Biện pháp 4: Rèn luyện kĩ năng biểu đạt và suy luận toán học

Rèn luyện cho HS kĩ năng phát biểu bằng ngôn ngữ nói, trình bày bằng ngôn ngữ viết các nội dung Toán học một cách chính xác, ngắn gọn, rõ ràng, lôgic và các phương pháp tư duy, suy luận toán học. Cách thực hiện:

- Viết, nói (phát biểu) bằng lời để trình bày một bài toán hay một nội dung toán học nào đó rõ ràng và lập luận có căn cứ

- Phát triển các thao tác tư duy: Tương tự hóa, khái quát hóa, trừu tượng hóa, đặc biệt hóa; các phương pháp phân tích, tổng hợp, dự đoán và quy nạp không hoàn toàn...

- Suy luận toán học đơn giản cho HS lớp 4,5: HS thiết lập được các mệnh đề toán học từ vốn từ toán học và kinh nghiệm sẵn có của HS; xác định được một mệnh đề toán học đơn giản đúng hay sai; thiết lập các mệnh đề toán học khác từ mệnh đề đã có.

3.5. Biện pháp 5: Kết hợp rèn luyện kỹ năng sử dụng NNTH và kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho HS, từng bước hình thành văn hóa Toán học cho HS.

Kết hợp rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt, các thuật ngữ và kí hiệu Toán học trong dạy học các kiến thức Toán học. Nhằm củng cố, rèn luyện các kiến thức Toán học; phát triển kỹ năng tư duy, ngôn ngữ, khả năng ứng xử trong cuộc sống đời thường cho HS. Cách thực hiện:

- Rèn luyện kỹ năng: Nghe và nói, đọc và viết trong quá trình dạy học NNTH.

- Tiếp cận NNTH từ ngôn ngữ tiếng Việt: từ những quan hệ trong đời sống, người ta trừu tượng hóa thành quan hệ Toán học. Ví dụ: $\frac{2}{3}$ bằng giấy lớn hơn $\frac{1}{3}$ bằng giấy, ta trừu tượng hóa $\frac{2}{3} > \frac{1}{3}$. Từ tiếng Việt gắn gũi trong cuộc sống ta chuyển sang NNTH trừu tượng và từ những quan hệ Toán học trừu tượng, ta có thể chuyển sang ngôn ngữ tiếng Việt với nhiều cách nói, cách diễn đạt khác nhau nhưng đồng nghĩa để HS dễ hiểu. HS có thể khó khăn khi đọc hiểu những quan hệ Toán học phức tạp, nhưng dễ dàng nhận ra thực chất của chúng và giải được bài toán nếu GV có cách diễn giải, dễ hiểu. HS không hiểu theo cách diễn giải này thì GV diễn giải theo cách khác. Như vậy, NNTH và NNTN gắn chặt với nhau, muốn giỏi Toán cần giỏi tiếng Việt. Rèn luyện kỹ năng sử dụng NNTH thực chất là đã rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt.

- Vận dụng các phương pháp tư duy và suy luận Toán học vào việc ứng xử giải quyết những vấn đề trong thực tế phù hợp, đúng quy trình, đúng hướng, khách quan, hiệu quả.

Qua việc học tập môn Toán, rèn luyện cho HS thái độ kiên trì, chịu khó, bản lĩnh, nghị lực, nhìn nhận và giải quyết vấn đề ở nhiều khía cạnh, nhiều phương án khác nhau. Giáo dục HS yêu thích vẻ đẹp Toán học, có hứng thú trong học tập,...

3.6. Biện pháp 6: Nâng cao năng lực dạy học các yếu tố NNTH cho GV trường tiểu học

Nội dung: GV phải hiểu và nắm chắc: cơ sở toán học của NNTH, ngữ nghĩa và cú pháp của NNTH; nội dung chương trình, SGK và phương pháp dạy học môn Toán tiểu học nói chung, Toán 4,5 nói riêng. Cách thực hiện:

- Những yêu cầu dạy NNTH lớp 4, 5 của GV:
- + GV cần phải xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp: xác định NNTH cần phải hình thành, rèn luyện trong từng tiết dạy học; hiểu ngữ nghĩa và cú pháp của các NNTH đó.
- + Việc dạy học NNTH phải tuân theo một trình tự nhất định, đúng lúc, đúng chỗ trong từng tiết dạy, phù hợp với trình độ chuẩn kiến thức toán của HS;
- + Ngôn ngữ của GV phải đảm bảo tính chính xác, tường minh, cụ thể, ngắn gọn, mạch lạc, lưu loát và uyển chuyển; lập luận có căn cứ, có giải thích kèm theo minh họa và làm mẫu của GV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Sĩ Hổ, *Những vấn đề cơ bản của phương pháp dạy học toán cấp 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1990.
2. Phạm Văn Hoàn, Nguyễn Gia Cốc, Trần Thúc Trình, *Giáo dục môn Toán*, NXB Giáo dục Hà Nội, 1981.
- 3 L.SH. Levenbeg, Nguyễn Tâm Bắc (dịch), *Dùng hình vẽ, sơ đồ, bản vẽ để dạy toán cấp 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1982.
- 4 L.Dane Miler, *Making the connection with language*, The Arithmetic Teacher; Feb 1993. Research library,
5. Robert Laurence Baber, *The Language of Mathematis*, Printed in the United States of America, 2011.
6. Gong Wengao, Hong Huaqing, KohKimHong, *Incorporating corpus linguistics into content teaching: the feasibility of using small corpus in Singapore primary Maths teaching*, <http://hdl.Handle.net/1049/182,2005>.

SUMMARY

Mathematics subject in primary education curriculum is generally aimed at providing students with preliminary mathematical knowledge and contributing to the development of thinking and language skills among students. In teaching the Mathematics subject, teachers not only impart mathematical knowledge to students but also help formulate and develop mathematical language, and foster and consolidate Vietnamese language skills for students. In Vietnam, the issue of mathematical language was touched upon in the 1970s. However, not many authors have conducted research on mathematical language in primary education in particular and at grades 4 and 5 in particular. Within the framework of this article, the author has presented the following: 1/ several issues surrounding mathematical language and teaching of mathematical language in grades 4 and 5; 2/ several workable solutions to raise effectiveness of teaching of mathematical language among grade 4 and 5 students.